

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **195** /2021/KDTM-PT
Ngày: 03/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Ông Đào Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 972/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại V.

Trụ sở: Tòa nhà N2, Km số 2, Đại lộ T, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T (theo giấy ủy quyền số 509/GUQ-TMĐT-PC ngày 29/9/2020)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T.

Trụ sở: 268 Lý Thường Kiệt, Phường M, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T

Địa chỉ: 410 lô C, chung cư X, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các đương sự thống nhất trình bày:

Ngày 03/01/2019, Công ty TNHH MTV Thương mại V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký hợp đồng số 03.01/HĐKT-VTP-TS với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T (sau đây gọi tắt là Công ty T) mua bán hàng hóa là 154 thiết bị, tổng giá trị hợp đồng là 905.745.720 đồng, thời hạn giao hàng 01/2019.

Ngày 24/01/2019, Công ty T chuyển số tiền 90.574.572 đồng để tạm ứng 10% giá trị hợp đồng.

Từ ngày 08/01/2019 đến ngày 25/01/2019, nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng và chứng từ cho bị đơn.

Ngày 21/6/2019 và 31/10/2019 các bên lập biên bản đối chiếu công nợ.

Ngày 20/8/2020, Công ty T còn nợ lại số tiền là 314.171.148 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2020, quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Do bị đơn kéo dài thời hạn thanh toán ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền mua bán hàng hóa còn lại tính đến ngày 30/9/2020 là 235.000.000 đồng.

Yêu cầu bị đơn chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm) là 72.459.657 đồng.

Và thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả là 12%/năm (tương đương với 0,03%/ngày) từ ngày 03/01/2019 tính đến ngày 28/8/2020 là 78.780.968 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên toà, bị đơn trình bày:

Công ty T thừa nhận còn nợ số tiền hàng hóa là 235.000.00 đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn và dịch bệnh kéo dài như hiện nay, Công ty T chỉ có thể trả cho Công ty V là 5.000.000 đồng/tháng hoặc chậm nhất đến ngày 30/6/2021, Công ty T sẽ trả dứt nợ.

Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ Công ty T không đồng ý trả, do Công ty T đã được sự chấp thuận của Công ty V về việc được trả nợ dần.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 80/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 300 và 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 6, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V số tiền là 312.144.910 đồng (Ba trăm mười hai triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm mười ngàn đồng), [Trong đó số tiền mua bán hàng hóa là 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 77.144.910 (Bảy mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, chín trăm mười ngàn đồng)], ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,03%/ngày.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 72.459.657 (Bảy mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 15.607.246 (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn hai trăm bốn mươi sáu) đồng, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T chịu.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.622.983 (Ba triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm tám mươi ba) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.630.689 (Mười một triệu, sáu trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014647 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V được nhận lại số tiền chênh lệch là 8.007.706 (Tám triệu không trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 10 năm 2020, bị đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 80/2020/KDTM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đồng ý xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm Công ty T đã thanh toán thêm cho Công ty V 85.000.000 đồng nợ gốc và các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) bao gồm: tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi 50.000.000 đồng của Hợp đồng mua bán số 03.01/HĐKT-VTP-TS ngày 03/01/2019, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận án phí được giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 8 và Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Sửa Bản án sơ thẩm số 80/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10 như sau:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V và bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T đồng ý thanh toán cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) (bao gồm: Tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi 50.000.000 đồng) của hợp đồng số 03.01/HĐKT-VTP-TS ngày 03/01/2019, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm :

- Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T chịu.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.630.689 (Mười một triệu, sáu trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014647 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được căn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0049666 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận 10;
- Chi cục THADS quận 10;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Chinh